TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **24**/2024/DS-ST Ngày: 27/02/2024 *V/v:"**Tranh chấphợp đồng dân sự vay tài sản**"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Điền**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
2. Ông **Trịnh Phước Đức**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn**– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **07**/2024/TLST – DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: ***"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST- DS, ngày 01/02/2024, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Vợ chồng ông **Huỳnh Trọng K**, sinh năm 1989 và bà **Trần Thị T**, sinh năm 1994, (ông K có đơn xin vắng mặt, bà T có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1985 và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1978, (ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà M có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố I, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, tại phiên hoà giải đồng nguyên đơn trình bày:***

Ngày 11/6/2021, vợ chồng bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M vay số tiền 400.000.000 đồng. Đến ngày 22/6/2023, bà M trả trước cho vợ chồng bà số tiền 148.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 252.000.000 đồng đến nay bà M không trả

nữa, vợ chồng bà T, ông K đã nhiều lần yêu cầu bà M giao trả lại số tiền còn nợ nhưng bà M cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không thực hiện.

Bà T, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xem xét giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả một lần cho vợ chồng ông bà số tiền mượn còn lại 252.000.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Do quen biết vợ chồng ông Huỳnh Trọng K và bà Trần Thị T là hàng xóm với nhau, nên khi biết bà đang rất cần tiền và đang hỏi tìm người để vay thì bà T vợ ông K đã trực tiếp cho bà vay với số tiền là 400.000000đồng, thời điểm vay cách đây khoảng 02 năm, bà cho rằng vì bị bệnh về suy nhược thần kinh nên trí nhớ kém không nhớ rõ ngày tháng năm sự việc cụ thể, khi vay tiền của bà T chỉ có một mình bà. Bà vay hai lần, lần thứ nhất 300 triệu, đến khoản tháng 6 năm 2022 bà vay thêm số tiền là 100 triệu, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn và cũng không làm biên nhận vay tiền chỉ nói bằng miệng và đưa tiền mặt, mục đích vay tiền để tu bổ ghe, trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con.

Thời hạn trả lãi giao động từ ngày 15 đến ngày 19 tây hàng tháng, chỉ trả tiền lãi, không trả tiền gốc, việc giao nhận tiền giữa hai bên bằng hình thức tiền mặt và không làm biên nhận. Khi tới ngày đóng lãi là bà T tự xuống lấy hoặc bà M sẽ tự đem đến nhà bà T. Bà M vay tiền của vợ chồng ông K, bà T thì chồng bà và các con đều không biết. Đến khoảng tháng 7 năm 2023 ông L mới biết bà M vỡ nợ, thì vợ chồng ông bà cùng nhau bán ghe với số tiền 7 tỷ và trả cho bà T số tiền gốc 148.000.000 đồng sau đó bà không còn khả năng trả nữa, số tiền còn nợ lại là 252.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà T, ông K thì bà đồng ý liên đới cùng chồng là ông Nguyễn Thanh L1 trả toàn số tiền 252.000.000đồng vào thời điểm khi vợ chồng bà bán được nhà.

**** Tại văn bản lời khai của ông Nguyễn Văn L (chồng bà M) trình bày:***

Ông Lâm hành nghề Ngư phủ, vợ ông (bà M) chỉ quanh quẩn ở nhà nội trợ và nhận tiền qua tài khoản ngân hàng khi ông bán hải sản cho thương lái ngay trên biển và thương lái thanh toán tiền cho ông bằng hình thức chuyển khoản thẳng vào tài khoản của bà M vợ ông, ông chỉ biết đi biển và một tháng mới vô một lần, tiền có được từ việc đi biển của ông sẽ do vợ ông nhận hết, ông giao hết cho vợ được toàn quyền quản lý và quyết định mọi chuyện tiền bạc. Nên mọi việc vợ ông làm ở trên bờ liên quan đến tiền bạc ông đều không biết, ông cũng không có quản lý việc chi tiêu hay sử dụng đồng tiền vì ông tin tưởng tuyệt đối vợ mình. Cho đến khi có rất nhiều người đến nhà tìm đòi nợ thì ông mới biết.

Khi sự việc xảy ra thì vợ ông mới thừa nhận với ông là có vay nợ rất nhiều bên ngoài, mỗi chỗ một ít tổng cộng khoảng 3 đến 4 tỷ đồng, vợ ông năn nỉ bán ghe của gia đình để trả nợ, ông đồng ý và vợ chồng ông đã cùng nhau bán chiếc ghe lưới được 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), trong đó trích 1.000.000.000 đồng chuộc sổ ghe đã cầm từ ngân hàng và 1.500.000.000 đồng để chuộc sổ của người thân trong nhà, còn lại 4.500.000.000 đồng thì vợ ông chia đều ra trả cho các chủ nợ cụ thể như nào thì ông không biết vì sau khi bán ghe ông cũng giao toàn bộ tiền cho vợ ông tự chi trả, ông cũng không muốn liên quan gì đến sự cố mà vợ ông đã tạo ra.

Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Huỳnh Trọng K, bà Trần Thị T thì ông không có ý kiến gì vì mọi việc vay nợ của vợ ông là ông hoàn toàn không biết, khi xảy ra sự việc vì thương vợ và gia đình ông cũng đã cố gắng khắc phục cùng vợ là bán ghe để trả nợ, nhưng đến nay nợ vẫn còn thì ông yêu cầu vợ ông tự chịu trách nhiệm với số nợ mà mình tự tạo ra vì ông đã hết khả năng trả nợ cho vợ ông. Ngoài ra ông L không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các bước tiến hành thủ tục phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo được tính khách quan của vụ án.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đồng nguyên đơn ông Huỳnh Trọng K và đồng bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và ông K.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 464 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và ông Huỳnh Trọng K về việc buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 252.000.000 đồng. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và không tính lãi suất.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng K và bà Trần Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L yêu cầu trả lại số tiền 252.000.000 đồng đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đồng nguyên đơn ông Huỳnh Trọng K và đồng bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và Toà án đã ghi nhận lời khai đương sự, xét thấy việc vắng mặt của ông K và ông L không gây trở ngại khách quan cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L và ông Huỳnh Trọng K.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L trả số tiền đã vay còn lại là 252.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất. Thời gian trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà M thừa nhận còn nợ vợ chồng bà T và ông K số tiền 252.000.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên khi nào bán được nhà thì sẽ trả một lần hết số tiền còn nợ

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, ông K về việc yêu cầu vợ chồng bà M, ông L phải trả số tiền vay còn nợ lại là 252.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi suất, thời gian trả dứt điểm số tiền trên khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận, Bởi lẽ:

Bà M thừa nhận vào ngày 11/6/2021 (âm lịch), bà có vay của vợ chồng bà T, ông K số tiền 400.000.000 đồng, mục đích của việc vay tiền là để tu bổ ghe, mua đất, trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con, phù hợp với nội dung của biên nhận tiền (bút lục 06). Sau đó đến tháng 7 năm 2023, bà M cùng chồng là ông Nguyễn Thanh L1 bán ghe lưới bao với số tiền là 7.000.000.000đồng, trong đó dùng số tiền 4.500.000.000đồng để trả trước một phần tiền nợ cho rất nhiều chủ nợ và vợ chồng bà T và ông K đã được trả với số tiền là 148.000.000đồng, số tiền nợ lại là 252.000.000đồng cho đến nay. Bà M yêu cầu bà T, ông K tạo điều kiện cho vợ chồng bà được trả vào thời điểm khi vợ chồng bà bán được nhà nhưng

không ấn định được thời gian nào nhà sẽ bán được, hơn nữa nhà và đất của vợ chồng bà hiện đang trong quy hoạch.

Đối với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L về việc ông cho rằng không biết vợ mình là bà Nguyễn Thị M vay nợ, ông yêu cầu vợ ông tự chịu trách nhiệm với số nợ mà vợ ông đã tạo ra là không phù hợp, bởi ông đã xác nhận tại biên bản ghi lời khai rằng ông làm nghề ngư phủ và đây là thu nhập chính của gia đình, vợ ông chỉ quanh quẩn ở nhà nội trợ và nhận tiền thu nhập qua tài khoản ngân hàng từ việc ông bán hải sản cho thương lái ngay trên biển, ông chỉ biết đi biển một tháng vô một lần, ông giao hết cho vợ quản lý và quyết định mọi chuyện tiền bạc và ông tin tưởng tuyệt đối vào vợ mình, khi có rất nhiều người đến tìm để đòi nợ thì vợ chồng ông đã cùng nhau bán ghe lưới bao với giá là 7 tỷ đồng để trả nợ cho mỗi người chủ nợ trước một phần. Do đó, khoản tiền nợ còn lại của bà T, ông K là 252.000.000đồng thì vợ chồng bà M, ông L phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục hoàn trả là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên hoà giải bà Nguyễn Thị M cho rằng bà T cho bà M vay số tiền là 400.000.000đồng với lãi suất là 3%/tháng, trả lãi vào ngày 15 đến ngày 19 hàng tháng, thời điểm vay cách đây khoản 02 năm, không thoả thuận thời hạn vay, không làm biên nhận, vay tiền chỉ nói miệng, với mục đích vay để tu bổ ghe, trang trải cuộc sống gia đình và lo cho các con. Tại phiên toà bà M không xác định được tổng số tiền lãi đã đóng, bà cũng không có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét toàn diện nội dung theo hợp đồng vay và cũng không có bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho việc trình bày của mình được quy định theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía đồng bị đơn chỉ yêu cầu đồng nguyên đơn tạo điều kiện cho trả lại số tiền 252.000.000đồng mà không có bất cứ yêu cầu gì thêm và phía đồng nguyên đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem.

[4] Về án phí: Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 252.000.000đồng x 5%= 12.600.000đồng.

Bà Trần Thị T, ông Huỳnh Trọng K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 27; 35; 91; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463; Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 và Điều 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và ông Huỳnh Trọng K.

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 252.000.000 đồng cho bà T và ông K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là **12.600.000** đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Ông Huỳnh Trọng K và bà Trần Thị T không phải chịu án phí và được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 6.300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004330, ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên toà được biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với ông Huỳnh Trọng K (nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn L (bị đơn) vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

(đã ký)

Lâm Thanh Điền